

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH BÌNH PH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 19-3-2025

Về việc: "Ly hôn".

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ- TỈNH BÌNH PH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

+ Thẩm phán, chủ tọa phiên tòa: - Ông Huỳnh T

+ Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Viết

- Ông Vũ Tr Th

+ Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài T - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Ph.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Ph tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Ph xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 21/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2024 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2025/QĐ-HPT ngày 03/3/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị A, sinh năm 1978 (có mặt).

Địa chỉ: Tổ 2, Ấp An H, xã Tân T, huyện Đ, tỉnh Bình Ph.

- Bị đơn: Ông Lê Hoài N, sinh năm 1977 (vắng mặt)

Trú tại: Tổ 1, ấp Đồng C, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Ph.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 19/6/2024 và đơn sửa đổi, bổ sung ngày 08/7/2024, quá trình làm việc, hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn bà Đỗ Thị A trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà A với ông N tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T vào năm 2000. Sau khi kết hôn thì vợ chồng sống hạnh phúc cho đến năm 2010 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không còn tình cảm, không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng không còn tình cảm với nhau nữa, ông N hay xúc phạm chửi bà A, xúc phạm gia đình bà A, quản chế bà A không cho giao tiếp với người khác, không ai còn quan tâm chăm sóc đến ai cả, đã ly thân từ năm 2021 đến nay, không ai còn quan tâm chăm sóc đến ai, do đó bà A yêu cầu ly hôn với ông N, bà A không đoàn tụ được với ông N.

- Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung: Quá trình cùng sống bà A và ông

N có 02 người con chung là Lê Đỗ Đắc Tr, sinh ngày 28/01/2001 và Lê Đỗ Quỳnh Nh, sinh ngày 14/8/2007. Khi ly hôn bà A yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Lê Đỗ Quỳnh Nh; còn đối với cháu Lê Đỗ Đắc Tr đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu giải quyết;

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà A và ông N tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn: Ông Lê Hoài N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông N đồng ý với ý kiến bà A về kết hôn, còn mâu thuẫn thì không có mâu thuẫn gì, nay tình cảm vợ chồng vẫn còn nên ông N không đồng ý ly hôn với bà A.

- Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Quá trình chung sống cả hai có 02 người con chung là Lê Đỗ Đắc Tr, sinh ngày 28/01/2001 và Lê Đỗ Quỳnh Nh, sinh ngày 14/8/2007. Do ông N không đồng ý ly hôn nên không có yêu cầu gì nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung, ly hôn sẽ ảnh hưởng đến con cA; Nếu trường hợp bà A cương quyết ly hôn thì ông N đề nghị Tòa án xem xét nguyện vọng của cháu muốn ở với ai thì giao cho người đó nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung, vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

- Về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án và việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà A và bị đơn ông N có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nhân nhân và gia đình năm 1986, nay bà A có đơn yêu cầu ly hôn, quá trình thu thập chứng cứ nhận thấy vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng nên không thể hòa giải đoàn tụ được, do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà A.

+ Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung Lê Đỗ Đắc Tr, sinh ngày 28/01/2001 và Lê Đỗ Quỳnh Nh, sinh ngày 14/8/2007. Quá trình thu thập chứng cứ cháu Lê Đỗ Quỳnh Nh đã trên 07 tuổi có nguyện vọng ở với bà A, do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà A giao con chung là cháu Nh cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Đối với cháu Tr trên 18 tuổi nên đề nghị không xem xét giải quyết.

+ Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung, nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu nên đề nghị không xem xét giải quyết.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của đại diện Viện kiểm sát và các bên đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về quan hệ pháp luật: Bà Đỗ Thị A yêu cầu được ly hôn với ông Lê Hoài N, đây là vụ án "Ly hôn" được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Lê Hoài N hiện cư trú tại: Tổ 1, ấp Đồng C, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Ph. Căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1, khoản 3 Điều 36 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Ph.

Tại phiên tòa, bị đơn ông N vắng mặt không có lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ, do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định các điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về yêu cầu của đương sự: Quá trình làm việc và tại phiên tòa nguyên đơn bà Đỗ Thị A yêu cầu được ly hôn với ông Lê Hoài N và yêu cầu được quyền nuôi con chung.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà A và ông N kết hôn với nhau một cách tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T vào năm 2000. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp, tuân thủ đầy đủ về điều kiện và thủ tục kết hôn được quy của Luật hôn nhân và gia đình năm 1986.

Quá trình chung sống thì giữa bà A và ông N hạnh phúc thời gian đầu và sau đó đến năm 2010 thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân của việc phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng không tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, dẫn đến vợ chồng thường hay cãi vã, làm cho mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng gay gắt, cả hai đã ly thân từ 2021 cho đến nay không ai còn quan tâm chăm sóc đến ai cả, mạnh ai người đó sống. Quá trình làm việc Tòa án cũng tạo điều kiện thời gian để hai vợ chồng hòa giải đoàn tụ để cùng nhau bỏ qua mâu thuẫn nhằm xây dựng một gia đình hòa thuận, hạnh phúc. Nhưng mâu thuẫn vẫn xảy ra, hiện nay bà A không còn tình cảm gì với ông N và cả hai đã ly thân. Do đó, xét thấy cuộc sống hôn nhân giữa bà A và ông N đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà A yêu cầu được ly hôn với ông N là có căn cứ nên được chấp nhận.

[2] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Quá trình chung sống giữa bà A và ông N có 02 người con chung là Lê Đỗ Đắc Tr, sinh ngày 28/01/2001 và Lê Đỗ Quỳnh Nh, sinh ngày 14/8/2007. Quá trình thu thập chứng cứ cháu Tr đã trên 18 tuổi nên không xem xét; Đối với cháu Quỳnh đã trên 07 tuổi nguyên vọng được ở với bà A; xét thấy cháu Nh đã trên 07 tuổi nên cần tôn trọng ý kiến của cháu và cầu ưu tiên bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của phụ nữ và trẻ em, do đó cần giao cháu Nh cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật và nguyện vọng của cháu Nh.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà A không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Các đương sự phải nộp theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 5,6,8,40 của Luật hôn nhân và gia đình năm 1986; các điều 51, 56, 81, 82 Luật HN&GD năm 2014.

Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị A .

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị A được ly hôn với ông Lê Hoài N.

2. Về con chung: Giao con chung là Lê Đỗ Quỳnh Nh, sinh ngày 14/8/2007 cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông N có quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được quyền cản trở.

4. Về tài sản chung, nợ chung: không.

5. Về án phí hôn nhân & gia đình sơ thẩm: Bà A phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà A đã nộp theo biên lai thu tiền số 0010553 ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Bình Ph.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Ph;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh T

